Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
10.08.2023 10:59:48
+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập-Tự do-Hạnh phúc
Số: 1644 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 10 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Công bố danh mục và quy trình nội bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Tây Ninh

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 2571/TTr-SYT ngày 07 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục và quy trình nội bộ thủ tục hành chính (TTHC) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Tây Ninh *(danh mục và nội dung quy trình nội bộ được đính kèm file điện tử trên hệ thống Egov)*.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này. Đồng thời, địa phương hóa và cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã công bố lên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính. Thông báo mã thủ tục hành chính mới cập nhật cho Sở Y tế theo quy định.

Sở Y tế thực hiện việc xây dựng và cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính gắn với mã thủ tục hành chính lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. Đồng thời, công khai và giải quyết các thủ tục hành chính này cho cá nhân, tổ chức đúng quy định.

Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định các quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đã được cập nhật mã thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. Thông báo cho Văn phòng UBND tỉnh để làm cơ sở trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính của Sở Y tế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 2454/QĐ-UBND ngày 13/11/2019 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành y tế tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VP Chính phủ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- TTPVHCC; KT; KSTT;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

(Hoa) 4

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Đức Trong

Phụ lục

DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ TỈNH TÂY NINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1644../QĐ-UBND ngày 10. tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)

PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Thẩm quyền
A. CẤP TỈNH				
1	1.003348	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng	Chi cục Vệ sinh An toàn thực phẩm
2	1.003332	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng	Chi cục Vệ sinh An toàn thực phẩm
3	1.003108	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng	Chi cục Vệ sinh An toàn thực phẩm
4	1.002425	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng	Chi cục Vệ sinh An toàn thực phẩm
5	1.004616	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược)theo hình thức xét hồ sơ	Dược phẩm	Sở Y tế
6	1.004604	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	Dược phẩm	Sở Y tế

7	1.004599	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	Dược phẩm	Sở Y tế
8	1.004596	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	Dược phẩm	Sở Y tế
9	1.004593	Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Dược phẩm	Sở Y tế
10	1.004585	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh dược mà có thay đổi điều kiện kinh doanh; thay đổi địa điểm kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Dược phẩm	Sở Y tế
11	1.004576	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Dược phẩm	Sở Y tế

12	1.004571	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế(Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Dược phẩm	Sở Y tế
13	1.004557	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	Dược phẩm	Sở Y tế
14	1.004532	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền Sở Y tế (Áp dụng với cơ sở có sử dụng, kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc trừ cơ sở sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu)	Dược phẩm	Sở Y tế
15	1.004529	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Dược phẩm	Sở Y tế
16	1.004516	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	Dược phẩm	Sở Y tế
17	1.004459	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	Dược phẩm	Sở Y tế
18	1.003963	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc	Dược phẩm	Sở Y tế
19	1.003613	Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước	Dược phẩm	Sở Y tế
20	1.003001	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc	Dược phẩm	Sở Y tế

21	1.002952	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc	Dược phẩm	Sở Y tế
22	1.002934	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm c và d Khoản 1 Điều 11 Thông tư 02/2018/TT-BYT	Dược phẩm	Sở Y tế
23	1.002399	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Dược phẩm	Sở Y tế
24	1.002339	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với cơ sở kinh doanh không vì mục đích thương mại	Dược phẩm	Sở Y tế
25	1.002292	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc	Dược phẩm	Sở Y tế
26	1.002258	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc	Dược phẩm	Sở Y tế
27	1.002235	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 03/2018/TT-BYT	Dược phẩm	Sở Y tế
28	1.001893	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kệ thuốc	Dược phẩm	Sở Y tế
29	1.010078	Cấp giấy chứng nhận mắc bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học	Giám định y khoa	Trung tâm Giám định Y khoa
30	1.008069	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám, điều trị bệnh nghề nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
31	1.006780	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
32	1.003876	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
33	1.003848	Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế

34	1.003824	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
35	1.003803	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
36	1.003800	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bị mất hoặc hư hỏng chứng chỉ hành nghề hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
37	1.003787	Cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
38	1.003774	Cấp giấy phép hoạt động đối với nhà hộ sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
39	1.003773	Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
40	1.003748	Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
41	1.003746	Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm xá, trạm y tế xã	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
42	1.003720	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
43	1.003709	Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
44	1.003644	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế

45	1.003628	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
46	1.003547	Điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
47	1.003531	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
48	1.003516	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất, hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
49	1.002464	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
50	2.000984	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ y tế thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
51	2.000980	Cấp giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
52	1.002230	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
53	2.000968	Cấp lại giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
54	1.002215	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế

55	1.002205	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
56	1.002191	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Nhà Hộ Sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
57	1.002182	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
58	1.002162	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
59	1.002140	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
60	1.002131	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
61	1.002111	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khoẻ tại nhà	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
62	1.002097	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
63	1.002073	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
64	1.002058	Cấp giấy phép hoạt động đối với khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo với trạm xá, trạm y tế cấp xã	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
65	1.002037	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế

66	1.002015	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
67	1.002000	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
68	1.001987	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
69	1.001907	Cấp giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh nhân đạo đối với bệnh viện trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (trừ các bệnh viện thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
70	1.001884	Cho phép Đội khám bệnh, chữa bệnh chữ thập đỏ lưu động tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
71	1.001866	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
72	1.001846	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
73	1.001824	Cho phép cá nhân trong nước, nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế

74	1.001750	Cho phép áp dụng thí điểm kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh đối với kỹ thuật mới, phương pháp mới quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 07/2015/TT-BYT thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
75	1.001734	Cho phép áp dụng chính thức kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
76	1.001641	Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe lái xe thuộc thẩm quyền Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
77	1.001595	Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
78	1.001552	Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
79	1.001538	Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
80	1.001532	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 5, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
81	1.001398	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
82	1.001393	Cấp lại Giấy chứng nhận là lương y thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế

83	1.001138	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
84	2.000559	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
85	2.000552	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
86	1.001086	Phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
87	1.001077	Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
88	1.000854	Cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
89	1.000562	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
90	1.000511	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
91	1.003073	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm	Sở Y tế
92	1.003064	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm	Sở Y tế
93	1.003055	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm	Sở Y tế

94	1.002600	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	Mỹ phẩm	Sở Y tế
95	1.002483	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	Mỹ phẩm	Sở Y tế
96	1.000990	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Mỹ phẩm	Sở Y tế
97	1.000793	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	Mỹ phẩm	Sở Y tế
98	1.000662	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	Mỹ phẩm	Sở Y tế
99	1.001523	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	Tổ chức cán bộ	Sở Y tế
100	1.001514	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	Tổ chức cán bộ	Sở Y tế
101	1.003039	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	Trang thiết bị và công trình y tế	Sở Y tế
102	1.003029	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B	Trang thiết bị và công trình y tế	Sở Y tế
103	1.003006	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	Trang thiết bị và công trình y tế	Sở Y tế
104	1.006431	Điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Y tế Dự phòng	Sở Y tế
105	1.006425	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Y tế Dự phòng	Sở Y tế

106	1.006422	Cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Y tế Dự phòng	Sở Y tế
107	1.004612	Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện ngoài cộng đồng	Y tế Dự phòng	+ Cơ sở điều trị Methadone thành phố Tây Ninh + Cơ sở điều trị Methadone Gò Dầu
108	1.004607	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	Y tế Dự phòng	Sở Y tế
109	1.004606	Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện giữa các cơ sở quản lý	Y tế Dự phòng	+ Cơ sở điều trị Methadone thành phố Tây Ninh + Cơ sở điều trị Methadone Gò Dầu
110	1.004600	Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện cho người nghiện chất dạng thuốc phiện được trở về cộng đồng từ cơ sở quản lý	Y tế Dự phòng	+ Cơ sở điều trị Methadone thành phố Tây Ninh + Cơ sở điều trị Methadone Gò Dầu
111	1.004568	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	Y tế Dự phòng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật
112	1.004564	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	Y tế Dự phòng	Sở Y tế
113	1.004541	Cấp lại thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	Y tế Dự phòng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật
114	1.004488	Công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện	Y tế Dự phòng	Sở Y tế
115	1.004477	Công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện khi có thay đổi về tên, địa chỉ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự	Y tế Dự phòng	Sở Y tế

116	1.004471	Công bố lại đối với cơ sở công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng phương thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất	Y tế Dự phòng	Sở Y tế
117	1.004461	Công bố lại đối với cơ sở điều trị sau khi hết thời hạn bị tạm đình chỉ	Y tế Dự phòng	Sở Y tế
118	1.003958	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Y tế Dự phòng	Sở Y tế
119	1.003580	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	Y tế Dự phòng	Sở Y tế
120	1.003481	Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện đang cư trú tại cộng đồng	Y tế Dự phòng	+ Cơ sở điều trị Methadone thành phố Tây Ninh + Cơ sở điều trị Methadone Gò Dầu
121	1.003468	Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện trong các cơ sở trại giam, trại tạm giam, cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng	Y tế Dự phòng	+ Cơ sở điều trị Methadone thành phố Tây Ninh + Cơ sở điều trị Methadone Gò Dầu
122	1.002944	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Y tế Dự phòng	Sở Y tế
123	1.002467	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	Y tế Dự phòng	Sở Y tế
124	2.000997	Cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng	Y tế Dự phòng	Trạm Kiểm dịch Y tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Tây Ninh
125	2.000993	Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải	Y tế Dự phòng	Trạm Kiểm dịch Y tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

126	2.000981	Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa	Y tế Dự phòng	Trạm Kiểm dịch Y tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Tây Ninh
127	2.000972	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt	Y tế Dự phòng	Trạm Kiểm dịch Y tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Tây Ninh
128	1.002231	Cấp phát thuốc Methadone cho người bệnh điều trị đặc biệt tại cơ sở khám, chữa bệnh	Y tế Dự phòng	+ Cơ sở điều trị Methadone thành phố Tây Ninh + Cơ sở điều trị Methadone Gò Dầu
129	1.002216	Cấp phát thuốc Methadone cho người bệnh đặc biệt điều trị tại nhà	Y tế Dự phòng	+ Cơ sở điều trị Methadone thành phố Tây Ninh + Cơ sở điều trị Methadone Gò Dầu
130	1.001386	Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng	Y tế Dự phòng	Sở Y tế
131	2.000655	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	Y tế Dự phòng	Sở Y tế
132	1.000844	Thông báo hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS	Y tế Dự phòng	Sở Y tế
B. CẤP HUYỆN				
1	1.002425	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (phân quyền cho cấp huyện)	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng	UBND các huyện, thị xã, thành phố

UBND TỈNH TÂY NINH **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 2571 /TTr-SYT	*Tây Ninh, ngày07 tháng8 năm 2023*

TỜ TRÌNH

Về việc công bố danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính công bố mới trong lĩnh vực Y tế thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Y tế tỉnh Tây Ninh

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Công văn số 1881/UBND-KSTT ngày 22/6/2023 về việc rà soát, chuẩn hóa quy trình nội bộ thực hiện thủ tục hành chính của ngành Y tế trên địa bàn tỉnh.

Sở Y tế đã rà soát, xây dựng danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) công bố mới trong lĩnh vực Y tế thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Y tế tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

Tổng số danh mục TTHC đề xuất công bố chuẩn hóa năm 2023: **133** thủ tục (cấp tỉnh **132** thủ tục, cấp huyện **01** thủ tục, cấp xã **không có**). Trong đó:

*** Cấp tỉnh: 132 TTHC gồm:**

- Lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng: 04 TTHC;
- Lĩnh vực Dược phẩm: **24** TTHC;
- Lĩnh vực Giám định y khoa: **01** TTHC;
- Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh: **61** TTHC;
- Lĩnh vực Mỹ phẩm: **08** TTHC;
- Lĩnh vực Tổ chức cán bộ: **02** TTHC;
- Lĩnh vực Trang thiết bị và công trình y tế: **03** TTHC;
- Lĩnh vực Y tế Dự phòng: **29** TTHC.

*** Cấp huyện: 01 TTHC gồm:**

- Lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng: 01 TTHC

Sở Y tế kính trình UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định.

Tài liệu trình đính kèm:

- Dự thảo Quyết định công bố chuẩn hóa Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Y tế thực hiện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

- Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Y tế tỉnh Tây Ninh;

- Quy trình nội bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Y tế tỉnh Tây Ninh.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- BGĐ Sở;
- Lưu: VT, VPPhương.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

Trương Văn Hùng